

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ; Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HDDHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 03/QN-HĐT ngày 30/12/2020 của Hội đồng trường trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23/07/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Công văn số 2098/DHTN-ĐT ngày 03/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 5 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm phê duyệt Đề án chuẩn hóa năng lực Ngoại ngữ sinh viên, học viên Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 6/8/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

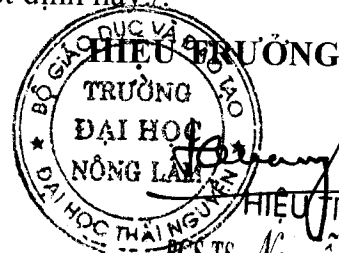
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ; Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký (riêng quy định về chuẩn đầu ra tin học thực hiện theo Quyết định số 1096/QĐ-ĐT ngày 22/08/2017 và Quyết định số 500/QĐ-ĐT ngày 13/04/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm). Các Quyết định trước đây trái với quy định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm, sinh viên, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (B/cáo);
- Như Điều 3 (T/hiện);
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ; Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 442 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ; quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

2. Quy định này không áp dụng đối với sinh viên là người nước ngoài học tập bằng tiếng Việt các ngành chuyên môn tại Nhà trường; sinh viên hệ cử tuyển và sinh viên được xét tuyển thẳng thuộc diện các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên

1. Đối với sinh viên các chương trình tiên tiến: chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt chuẩn cấp độ 4 trở lên (Trình độ B2 tương đương) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Đối với Sinh viên các chương trình đại trà:

a) Từ khóa 50 trở về trước: chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt chuẩn cấp độ 2 trở lên (Trình độ A2 tương đương) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

b) Sinh viên từ khóa 51 trở đi: chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt chuẩn cấp độ 3 trở lên (Trình độ B1 tương đương) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Sinh viên học liên thông, văn bằng 2 tốt nghiệp trước ngày 31/12/2022: chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt chuẩn cấp độ 2 trở lên (Trình độ A2 tương đương) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Các loại văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận để xét chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

a) Tiếng Anh

- Chứng chỉ IELTS do Hội đồng Anh, Tổ chức giáo dục quốc tế IDP Education và Tổ chức khảo thí và đánh giá về ngôn ngữ của Đại học Cambridge cấp, tổ chức thi tại Hội đồng Anh và IDP hoặc đơn vị ủy quyền.

- Chứng chỉ TOEFL iBT do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ ETS cấp, tổ chức thi tại IIG Việt Nam.

- Chứng chỉ TOEIC do viện Khảo thí giáo dục Hoa kỳ ETS cấp, tổ chức thi tại IIG Việt Nam (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết).

- Chứng chỉ Cambridge do Tổ chức Cambridge ESOL cấp.

- Chứng chỉ Aptis do Hội đồng Anh cấp (đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết).

- Chứng chỉ PTE General, PTE Academic do Tổ chức giáo dục quốc tế Pearson cấp.

- Chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục đào tạo được Bộ GD&ĐT công nhận và cho phép tổ chức thi đánh giá năng lực.

- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (chứng nhận nội bộ) do Đại học Thái Nguyên tổ chức thi đánh giá năng lực.

- Xác nhận năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Nông Lâm tổ chức đánh giá chỉ có giá trị trong nội bộ trường.

- Sinh viên có bằng tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ hệ chính quy nhóm ngành tiếng Anh được công nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ khi xét tốt nghiệp ra trường.

(Chi tiết bảng quy đổi tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này).

b) Tiếng Trung

- Chứng chỉ HSK do Văn phòng Hán Ban/Tổng Bộ Học viện Khổng Tử cấp;

- Chứng chỉ TOCFL do Bộ Giáo dục Đài Loan cấp;

- Chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Trung) do các cơ sở giáo dục đào tạo được Bộ GD&ĐT công nhận đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(Chi tiết bảng quy đổi tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này).

c) Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật

- Chứng chỉ TORFL (viết tắt theo tiếng Nga là TRKI) do Viện tiếng Nga quốc gia mang tên A.X. Puskin cấp hoặc cấp bởi các trung tâm khác được Bộ GD&ĐT Liên bang Nga công nhận.

- Chứng chỉ DELF/DALF, TCF (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết) do Bộ GD&ĐT Pháp cấp.

- Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật JLPT do Ủy ban quản lý Japanese-Nattest cấp chứng chỉ (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết). Chứng chỉ NAT-TEST do Ủy ban quản lý Japanese-Nattest cấp.

- Chứng chỉ năng lực tiếng Nga/Pháp/Nhật do các cơ sở giáo dục đào tạo được Bộ GD&ĐT công nhận đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(Chi tiết bảng quy đổi tại Phụ lục 3,4,5 kèm theo Quy định này).

d) Tiếng Hàn

Chứng chỉ TOPIK II do Viện Giáo dục và Công nghệ Hàn Quốc cấp, được quy đổi thành các bậc tương đương theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như sau:

- Bậc 3/6 (Tương đương B1): TOPIK II (121-150 điểm)
- Bậc 4/6 (Tương đương B2): TOPIK II (151-190 điểm)
- Bậc 5/6 (Tương đương C1): TOPIK II (191-230 điểm)

e) Các điều kiện khác được công nhận để xét chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

- Sinh viên không thuộc CTTT đi thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp tại nước ngoài, có chứng chỉ hoàn thành chương trình thực tập nghề nước ngoài từ 06 tháng trở lên tại các nước nói tiếng Anh, Trung, Nga, Pháp, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha, Đức và thi đạt yêu cầu ngoại ngữ của các chương trình thực tập do Trung tâm Đào tạo và Phát triển quốc tế, trường Đại học Nông Lâm tổ chức được quy đổi tương đương trình độ B1.

- Miễn đánh giá về năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên quốc tế học các chương trình đào tạo đại trà.

- Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế cấp trước ngày ban hành Quyết định này (*chỉ áp dụng đối với sinh viên khóa 50 trở về trước và sinh viên chính quy học liên thông, văn bằng 2 tốt nghiệp trước ngày 31/12/2022*): việc xét chuẩn đầu ra ngoại ngữ vẫn được thực hiện theo Quyết định số 1096/QĐ-ĐT ngày 22/8/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm.

4. Quy trình xét miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Quy trình xét miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ được tiến hành theo trình tự sau:

Bước 1: Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp ít nhất 15 ngày, sinh viên nộp 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận (kèm bản chính) về Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Ứng dụng.

Bước 2: Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học Ứng dụng kiểm tra văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận trả lại sinh viên bản chính, lập danh sách sinh viên nộp kèm bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, ghi đề xuất lên Phòng Đào tạo.

Bước 3: Căn cứ vào đề xuất của Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học Ứng dụng, Bảng quy đổi và thời hạn của chứng chỉ, Phòng Đào tạo phê duyệt miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên và trình Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận.

Lưu ý:

- Sinh viên theo dõi phần mềm quản lý đào tạo để đảm bảo đã được cập nhật đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

- Sinh viên không phải nộp lệ phí xét miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

Điều 3. Miễn học, miễn thi, chuyển điểm các học phần tiếng Anh

1. Quy định miễn học, miễn thi, chuyển điểm các học phần tiếng Anh

a) Trước thời điểm bắt đầu mỗi học phần Tiếng Anh theo kế hoạch đào tạo, nếu sinh viên nộp chứng chỉ tiếng Anh còn hiệu lực (quy định tại phụ lục 1) sẽ được xét miễn học, và công nhận chuẩn đầu ra. Cụ thể:

- Sinh viên CTTT có chứng chỉ tiếng Anh đạt chuẩn cấp độ 4 trở lên (Trình độ B2 hoặc tương đương trở lên) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, sẽ được xét công nhận tương đương 10 điểm môn tiếng Anh (miễn học từ thời điểm đó cho đến hết các học phần còn lại nhưng vẫn phải đăng ký học, đóng học phí các học phần tiếng Anh theo quy định).

- Sinh viên các chương trình đại trà có chứng chỉ tiếng Anh đạt cấp độ 3 trở lên (Trình độ B1 hoặc tương đương trở lên) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, sẽ được xét công nhận tương đương 10 điểm môn tiếng Anh (miễn học từ thời điểm đó cho đến hết các học phần còn lại nhưng vẫn phải đăng ký học, đóng học phí các học phần tiếng Anh theo quy định).

b) Sinh viên nộp chứng chỉ tại thời điểm nào sẽ được miễn học và miễn chuẩn đầu ra từ thời điểm đó.

c) Các chứng chỉ được công nhận: chứng chỉ quốc tế có đủ 4 kỹ năng quy định tại khoản 2, Điều 2, Quy định này quy đổi chuyển sang thang điểm 10.

2. Quy trình xét miễn học, miễn thi, chuyển điểm các học phần tiếng Anh

Quy trình xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm được tiến hành theo trình tự sau:

Bước 1: Trong thời gian ít nhất 2 tuần trước thời điểm bắt đầu mỗi học phần Tiếng Anh theo kế hoạch đào tạo, sinh viên làm đơn đề nghị miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần Tiếng Anh (theo mẫu phụ lục 6 kèm theo Quy định này), đồng thời nộp kèm chứng chỉ (bản chính và 01 bản sao) về Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng. Lưu ý: Nhà trường sẽ không giải quyết các đơn gửi sau thời hạn nêu trên.

Bước 2: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Ứng dụng nhận đơn, kiểm tra chứng chỉ, trả lại sinh viên bản chính, lập danh sách sinh viên nộp kèm bản sao chứng chỉ và ghi đề xuất lên Phòng Đào tạo.

Bước 3: Căn cứ đề xuất của Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học Ứng dụng, bảng quy đổi và thời hạn của chứng chỉ, Phòng Đào tạo phê duyệt miễn học, miễn thi và ghi điểm tương đương học phần tiếng Anh, phê duyệt miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên, trình Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận.

Lưu ý:

- Sinh viên theo dõi bảng điểm học kỳ của mình trên phần mềm quản lý đào tạo để đảm bảo đã được cập nhật điểm và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

- Sinh viên không phải nộp lệ phí xét miễn học, miễn thi chuyển điểm tương đương các học phần tiếng Anh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo, Trung tâm Ngoại ngữ -Tin học Ứng dụng, các Khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phổ biến, tổ chức thực hiện Quy định này đến sinh viên.

2. Quy định này có thể được điều chỉnh, cập nhật khi Nhà trường áp dụng thang chuẩn cao hơn đối với sinh viên tốt nghiệp ở các khoá sau.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Phụ lục 1

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 442/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 22 / 6 /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC		TOEFL IBT	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests	Aptis	PTE General	Chuẩn Việt Nam
C2	8.5 - 9.0	910+	190+(S) 190+(W)	100+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	-	5	6
C1	7.0 - 8.0	850	170+(S) 165+(W)	80 - 99	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	C	4	5
B2	5.5 - 6.5	600	140+(S) 130+(W)	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	B2	3	4
B1	4.0 - 5.0	450	105+(S) 90+(W)	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	B1	2	3
A2	3.0 - 3.5	400	70+(S) 60+(W)	40	120 - 139	45-64 PET 70-89 KET	A2	1	2
A1	1.0 - 2.5	255	50+(S) 30+(W)	19	100 - 119	45- 69 KET	A1	A1	1
	Top score 9	Top score 990 (R+L), 200 (S), 200 (W)		Top score 120	Pass	Pass			

Ghi chú: Căn cứ theo Công văn số 2098/ĐHTN ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc ĐHTN

Phụ lục 2
BẢNG QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ TIẾNG TRUNG (HSK)
THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU
(Kèm theo Quyết định số 492/QĐ- ĐHNL-ĐT ngày 02 / 6 /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Bảng quy đổi các cấp của HSK mới với tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế” theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR:

HSK mới	Lượng từ vựng	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Chuẩn Việt Nam
HSK cấp 6	Hơn 5000	Cấp 6	C2	6
HSK cấp 5	2500	Cấp 5	C1	5
HSK cấp 4	1200	Cấp 4	B2	4
HSK cấp 3	600	Cấp 3	B1	3
HSK cấp 2	300	Cấp 2	A2	2
HSK cấp 1	150	Cấp 1	A1	1

Handwritten signature

Phụ lục 3
BẢNG QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ NẮM VỮNG TIẾNG NGA
THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU
(Kèm theo Quyết định số 442/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 22 / 6 /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Kỳ thi TRKI có tên gọi tiếng Anh là: Test of Russian as a Foreign Language

Chứng chỉ tiếng Nga	Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR	Giải thích
TЭУ (TEU) Elementary Level	A – 1 (Breakthrough)	Chứng nhận có khả năng tối thiểu để giao tiếp hàng ngày
ТБУ (TBU) Immediate Level	A – 2 (Waystage)	Chứng nhận có trình độ sơ cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, xã hội và văn hóa
ТРКИ-1 (TRKI-1) Certificate Level 1	B-1 (Threshold)	Chứng nhận có trình độ trung cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, văn hóa và xã hội. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để học ở các trường ĐH của Nga)
ТРКИ-2 (TRKI-2) Certificate Level 2	B-2 (Vantage)	Chứng nhận có trình độ cao để giao tiếp trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Người học có thể làm việc bằng tiếng Nga trong các lĩnh vực khác nhau. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng cử nhân hoặc thạc sỹ)
ТРКИ-3 (TRKI-3) Certificate Level 3	C-1 (Effective Operational Proficiency)	Chứng nhận đạt được trình độ cao để giao tiếp trong các lĩnh vực, cho phép người học làm việc bằng tiếng Nga với tư cách là một nhà ngôn ngữ học, nhà dịch thuật, chủ biên của một tạp chí, nhà ngoại giao và nhà lãnh đạo của một cộng đồng nói tiếng Nga
ТРКИ-4 (TRKI-4) Certificate Level 4	C-2 (Mastery)	Chứng nhận đạt được khả năng nắm vững tiếng Nga một cách thông thạo, gần với trình độ của một người bản ngữ. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng tốt nghiệp thạc sỹ và tiến sỹ ngôn ngữ học)

Phụ lục 4**BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 442/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 02/6/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

DELF-DALF	TCF	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Chuẩn Việt Nam
DALF C2	600-699	C2	6
DALF C1	500-599	C1	5
DELF B2	400-499	B2	4
DELF B1	300-399	B1	3
DELF A2	200-299	A2	2
DELF A1	100-199	A1	1

Dh

Phụ lục 5

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG NHẬT
(Kèm theo Quyết định số 442/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 12/6/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

NAT-TEST	JLPT	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Chuẩn VN
1Q	N1	C2	6
2Q	N2	C1	5
3Q	N3	B2	4
4Q	N4	B1	3
5Q	N5	A2	2

Phụ lục 6
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CHUYỂN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH VÀ CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu trường Đại học Nông Lâm;
- Phòng Đào tạo;
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Ứng dụng.

Họ và tên sinh viên:

Ngày sinh: Số CMT:

Lớp: Chuyên ngành: Ngành học:

..... Khóa: Mã sinh viên:

..... Điện thoại:

Căn cứ quy định miễn học, miễn thi, chuyển điểm các học phần tiếng Anh của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, tôi làm đơn này đề nghị được miễn học, miễn thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh sau (ghi rõ tên học phần tiếng Anh1-2-3):
 và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

Hồ sơ gửi kèm:

Chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực. Ngày đạt:
 (nộp bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

Tên chứng chỉ:

Kết quả:

Em xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm các học phần tiếng Anh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày tháng..... năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký và ghi rõ họ tên)